

Số: /ĐADL-KHVN

Hà Nội, ngày tháng 9 năm 2025

(Dự thảo)



ĐỀ ÁN

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ HỘI KHUYẾN HỌC VIỆT NAM KHÓA VI, NHIỆM KỲ 2021-2026

(Trình xin ý kiến các ủy viên Ban Chấp hành)

I. SỰ CẦN THIẾT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ HỘI KHUYẾN HỌC VIỆT NAM:

Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Hội Khuyến học Việt Nam được Đại hội đại biểu toàn quốc Hội Khuyến học Việt Nam khóa VI, nhiệm kỳ 2021- 2026 thông qua và Bộ Nội vụ phê duyệt tại Quyết định số 175/QĐ-BNV ngày 05/4/2022, gồm 08 chương, 26 điều. Trong nhiệm kỳ khóa VI, Ban chấp hành Trung ương Hội khóa VI đã nghiêm túc triển khai thực hiện Điều lệ (hướng dẫn thực hiện, tổ chức bộ máy, nhân sự, tiến hành các hoạt động của Hội trên các lĩnh vực,...). Các quy định của Điều lệ là cơ sở pháp lý để các cấp hội tổ chức và triển khai nhiệm vụ của mình. Tuy nhiên, từ tháng 08/10/2024, Chính phủ đã ban hành Nghị định 126/2024/NĐ-CP quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội (thay thế Nghị định 45/2010/NĐ-CP). Mặt khác, trong bối cảnh cả nước đang quyết liệt triển khai thực hiện mô hình chính quyền 02 cấp theo chủ trương của Đảng và Nghị quyết của Quốc hội; thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về “Tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”. Các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở Trung ương (trong đó có Hội Khuyến học Việt Nam) được tổ chức, sắp xếp lại trực thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam nhằm bảo đảm hoạt động thống nhất, hiệu quả, phát huy sức mạnh của nhân dân và khối đại đoàn kết toàn dân tộc; một số văn của cấp có thẩm quyền đã được sửa đổi, bổ sung để đáp ứng yêu cầu lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức và hoạt động của các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

Vì vậy, nhiều quy định của Điều lệ Hội Khuyến học Việt Nam hiện hành đã không còn phù hợp, cần được nghiên cứu để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. Thường trực Trung ương Hội chỉ đạo nghiên cứu, xây dựng Đề án và chuẩn bị Tờ trình, dự kiến một số nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội Khuyến học Việt Nam để trình Ban Thường vụ cho ý kiến tại kỳ họp tháng 7/2025, sau đó tiếp thu, chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo và trình xin ý kiến thành viên Ban Chấp hành và trình Đại hội đại biểu toàn quốc Hội Khuyến học Việt Nam lần thứ VII, nhiệm kỳ 2026-2031 xem xét, thông qua.

II. CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Căn cứ chính trị:

Các văn bản chỉ đạo của Đảng:

- Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả (Nghị quyết 18-NQ/TW);

- Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 của Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII;

- Quyết định 118-QĐ/TW ngày 22/8/2023 của Ban Bí thư ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở Trung ương;

- Quyết định số 251-QĐ/TW ngày 24/01/2025 của Ban Chấp hành Trung ương quyết định chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương;

- Kết luận số 121-KL/TW ngày 24/01/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”.

- Kết luận số 126-KL/TW ngày 14/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về một số nội dung, nhiệm vụ tiếp tục sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị năm 2025;

- Hướng dẫn số 31-HD/BTCTW ngày 23/4/2025 của Ban Tổ chức Trung ương về việc thành lập tổ chức đảng tương ứng các đơn vị hành chính ở địa phương và sắp xếp tổ chức bộ máy cơ quan Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đoàn thể cấp tỉnh, cấp xã.

- Hướng dẫn số 05/HĐ-MTTW-BTT ngày 30/7/2025 của Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (MTTQVN) về việc tiếp tục thực hiện sắp xếp, tinh gọn, hợp nhất các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở cấp tỉnh, cấp xã;

- Các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương.

2. Căn cứ pháp lý:

- Nghị quyết của Quốc hội khóa XV, kỳ họp thứ 9 về sáp nhập địa giới hành chính các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Nghị định 126/2024/NĐ-CP ngày 26/10/2024 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

- Các thông tư, hướng dẫn của Bộ Nội vụ có liên quan đến hội;

- Điều lệ Hội Khuyến học Việt Nam khóa VI, nhiệm kỳ 2021-2026 (được phê duyệt theo Quyết định số 275/QĐ-BNV ngày 07/04/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ);

- Các quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Kiểm tra Trung ương Hội và các báo cáo hoạt động của Hội Khuyến học Việt Nam trong nhiệm kỳ 2021-2026.

3. Căn cứ thực tiễn:

- Tổ chức và hoạt động của Hội Khuyến học Việt Nam qua 30 năm xây dựng và phát triển (các báo cáo nhiệm kỳ, hoạt động hàng năm,...);

- Yêu cầu sắp xếp, tinh gọn bộ máy theo chỉ đạo của Đảng, Nhà nước.

Thường trực Trung ương Hội Khuyến học Việt Nam nghiên cứu xây dựng Đề án sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội Khuyến học Việt Nam hiện hành nhằm góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Hội trong nhiệm kỳ tới.

III. CÁC NỘI DUNG DỰ KIẾN SỬA ĐỔI:

1. Về bố cục:

Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Hội Khuyến học Việt Nam hiện hành gồm 08 chương, 26 điều. Dự thảo (sửa đổi, bổ sung) gồm 08 chương, 26 điều. Trong đó giữ nguyên 11 điều; bổ sung sửa đổi 15 điều.

2. Các điều cụ thể:

Nội dung sửa đổi, bổ sung các điều chủ yếu căn cứ quy định tại Quyết định 118-QĐ/TW ngày 22/8/2023 của Ban Bí thư ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở Trung ương (Quyết định 118-QĐ/TW); Nghị định 126/2024/NĐ-CP ngày 26/10/2024 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội (Nghị định 126/2024/NĐ-CP) và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của cấp có thẩm quyền, cụ thể là:

1. Địa vị pháp lý, trụ sở (Điều 3).

- Tại khoản 2 Điều 3 đã sửa quy định: “2. Hội Khuyến học Việt Nam có trụ sở tại Hà Nội và *đại diện Văn phòng* tại Thành phố Hồ Chí Minh” mà không dùng cụm từ “Văn phòng đại diện”. Vì thủ tục thành lập Văn phòng đại diện phức tạp (phải có hồ sơ, thủ tục trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có văn phòng đại diện phê duyệt và báo cáo cấp có thẩm quyền). Hơn nữa, thực tế một tổ chức và hoạt động trong những nhiệm kỳ gần đây, Trung ương Hội chỉ có đại diện Văn phòng là 01 Phó Chủ tịch và 01 Phó Chánh Văn phòng được phân công phụ trách một số lĩnh vực công tác tại các tỉnh phía Nam để giảm bớt chi phí cơ sở vật chất, điều kiện hoạt động.

- Tại Điều này, tên, địa chỉ trụ sở của Hội đã được cập nhật theo địa giới hành chính sau sáp nhập.

2. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động (Điều 4).

- Tại khoản 2: Bổ sung quy định “2. Hội *chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo* của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam”.

- Tại khoản 3: Bổ sung quy định “3. Hội chịu sự quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ, *chịu sự quản lý nhà nước về lĩnh vực hoạt động chính của Hội của Bộ Giáo dục và Đào tạo...*”.

3. Về quyền của Hội (Điều 6)

Nội dung Điều 6 về quyền của Hội được quy định như Điều 9 của Quyết định 118-QĐ/TW và khoản 1 Điều 38 của Nghị định 126/2024/NĐ-CP.

4. Về nghĩa vụ và trách nhiệm của Hội (Điều 7)

Căn cứ thực tiễn hoạt động xây dựng và phát triển quỹ của của Hội, Điều 7 của dự thảo Điều lệ đã bổ sung khoản 4 quy định về công tác huy động quỹ khuyến học: “4. Đa dạng hóa các loại hình huy động quỹ khuyến học trong và ngoài nước để hỗ trợ cho học sinh, sinh viên vượt khó vươn lên trong học tập; hỗ trợ cho việc dạy và học của người lớn vươn lên học tập suốt đời”.

5. Hội viên, tiêu chuẩn hội viên (Điều 8)

Tại điểm b khoản 1 Điều 8 đã bổ sung khái niệm và điều kiện để trở thành “Hội viên liên kết” cho phù hợp với quy định tại Điều 17 của Nghị định 126/2024/NĐ-CP.

Cụ thể là: “b) *Hội viên liên kết* gồm tổ chức, công dân Việt Nam không có điều kiện tham gia đầy đủ hoạt động của Hội theo quy định, nhưng tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện đăng ký tham gia hội, có thể trở thành hội viên liên kết của Hội”.

- Tại khoản 8 bổ sung cụm từ “Hội viên liên kết” được hưởng các quyền cho đầy đủ hơn.

6. Thủ tục, thẩm quyền kết nạp hội viên, thủ tục ra khỏi hội (Điều 11)

Nhằm đơn giản thủ tục kết nạp hội viên và phù hợp với thực tế, tại điểm e khoản 1 Điều 11 đã quy định “Đối với cá nhân nếu có nguyện vọng tham gia làm hội viên của Hội thì đăng ký và đóng hội phí theo quy định”.

Đồng thời, trong dự thảo đã bổ sung khoản 3 giao Ban Chấp hành quy định rõ thủ tục, thẩm quyền tại Điều này: “3. Ban Chấp hành ban hành Quy chế quy định cụ thể về thủ tục kết nạp hội viên, cho hội viên ra khỏi Hội phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Hội”.

7. Đại hội (Điều 13)

Điều 13 của Điều lệ đã được sửa đổi, bổ sung làm rõ các quy định về vai trò, vị trí của đại hội, điều kiện, thẩm quyền tổ chức đại hội, nhiệm vụ của đại hội, nguyên tắc biểu quyết tại đại hội cho phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 41 của Nghị định 126/2024/NĐ của Chính phủ.

8. Ban Chấp hành Hội (Điều 14)

- Tại điểm a khoản 2 Điều 14 của dự thảo đã bổ sung quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Chấp hành trong việc “Xây dựng đề án nhân sự đại hội, dự kiến cụ thể số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn, điều kiện Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Thường trực Hội và Ban Kiểm tra nhiệm kỳ mới”; tại điểm g khoản 2 đã bổ sung quy định Bna chấp hành bầu Ban Kiểm tra và Trưởng ban Kiểm tra (Điều lệ hiện hành quy định Đại hội bầu Ban Kiểm tra và Trưởng ban kiểm tra), đồng thời bổ sung quy định: “Tổng số thành viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra không được vượt quá số lượng thành viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra đã được Đại hội biểu quyết thông qua. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, tạm đình chỉ công tác và cho phép công tác trở lại đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký và các Phó Chủ tịch phải báo cáo cấp có thẩm quyền đồng ý trước khi thực hiện” cho phù hợp với Nghị định 126/2024/NĐ-CP.

- Tại khoản 3 Điều 14 của dự thảo đã bổ sung nguyên tắc hoạt động của Ban Chấp hành: “Ban Chấp hành có thể tổ chức họp trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc kết hợp cả hai hình thức trực tiếp và trực tuyến, do Ban Chấp hành quyết định (điểm h); “Giữa hai kỳ họp, Ban Chấp hành có thể biểu quyết hoặc quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Chấp hành thông qua việc lấy ý kiến Ban Chấp hành bằng văn bản”(điểm đ);

9. Ban Thường vụ Hội (Điều 15)

Tại khoản 3 Điều 15 của dự thảo quy định về nguyên tắc hoạt động của Ban Thường vụ Hội. Tương tự như khoản 3 Điều 14, dự thảo đã được bổ sung quy định: “Ban Thường vụ có thể tổ chức họp trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc kết hợp cả hai hình thức trực tiếp và trực tuyến, do Ban Thường vụ quyết định (điểm b); “Giữa hai kỳ họp, Ban Thường vụ có thể biểu quyết hoặc quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Thường vụ thông qua việc lấy ý kiến Ban Thường vụ bằng văn bản”(điểm đ).

10. Thường trực Hội (Điều 16)

Căn cứ Quyết định 118-QĐ/TW và Nghị định 126/2024/NĐ, Điều 17 khoản 1 của dự thảo Điều lệ đã quy định rõ: “*Thường trực Hội gồm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch chuyên trách là cơ quan điều hành công việc hàng ngày của Hội*”.

11. Ban Kiểm tra Hội (Điều 17)

- Tại khoản 1 Điều 17 của dự thảo Điều lệ đã sửa đổi quy định “Ban Kiểm tra Hội gồm Trưởng ban, Phó trưởng ban và một số ủy viên do Ban Chấp hành bầu trong số ủy viên Ban Thường vụ Hội. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Kiểm tra do Ban Chấp hành quyết định.

- Tại điểm b khoản 2 Điều 17 quy định về nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm tra, trong đó đã bổ sung và làm rõ nhiệm vụ: “b) Xem xét, xử lý đơn, thư, phản ánh, kiến nghị, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, hội viên và công dân liên quan tới tổ chức Hội, hội viên, các tổ chức thuộc Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

- Tại khoản 3 Điều 17 quy định về nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm tra đã bổ sung quy định “*Giữa hai kỳ họp, Ban Kiểm tra có thể biểu quyết hoặc quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm tra thông qua việc lấy ý kiến thành viên bằng văn bản*”.

12. Chủ tịch Hội, Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký, các Phó Chủ tịch Hội (Điều 18)

- Tại khoản 1 Điều 18 của dự thảo Điều lệ đã bổ sung quy định “*Tiêu chuẩn của Chủ tịch Hội theo quy định của Đảng, Nhà nước hiện hành và do Ban Chấp hành Hội quy định*”.

- Tại khoản 2 điểm b đã bổ sung quy định rõ về nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội : b) Chịu trách nhiệm toàn diện trước cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập Hội, cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực hoạt động chính của Hội, trước Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội.

- Tại điểm c khoản 3 đã bổ sung quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Phó Chủ tịch hội: “c) Các Phó Chủ tịch Hội.... thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật”.

13. Văn phòng, các ban chuyên môn và đơn vị trực thuộc Hội (Điều 19)

Tại khoản 2 của Điều 19 đã bổ sung, quy định rõ nguyên tắc: “2. Văn phòng, các ban chuyên môn là những bộ phận tham mưu, giúp Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Kiểm tra thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội; chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Thường trực Hội”.

14. Tài chính, tài sản của Hội (Điều 21, Điều 22)

- Tại khoản 1 Điều 21 của dự thảo đã bổ sung quy định tài chính thuộc nguồn thu của Hội “*Ngân sách nhà nước hỗ trợ cho các nhiệm vụ Đảng, Nhà nước giao theo quy định của pháp luật*) (điểm a khoản 1); khoản chi của Hội gồm “*Chi thực hiện nhiệm vụ Đảng, Nhà nước giao* (điểm b khoản 1).

- Tại khoản 2 Điều 21 của dự thảo đã bổ sung quy định về các khoản chi của Hội phải được thực hiện theo quy định của Ban Chấp hành Hội phù hợp với quy định của pháp luật.

- Tại Điều 21 của dự thảo đã bổ sung khoản 3 quy định: *“Hội phải thực hiện công tác kế toán, kiểm toán, thống kê theo quy định của pháp luật”*.

- Điều 22 (khoản 2) đã bổ sung, quy định rõ về quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội, trong đó xác định trách nhiệm thực hiện công tác kế toán, kiểm toán và thống kê *theo quy định của pháp luật*.

15. Về kỷ luật (Điều 24)

Tại Điều 24 (khoản 1) của dự thảo đã bổ sung quy định: *“Trường hợp gây thiệt hại về vật chất thì phải bồi thường và chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật”*.

Ngoài các điều sửa trên đây, trong dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung còn chỉnh sửa một số chi tiết kỹ thuật cho phù hợp với tổ chức và hoạt động của Hội, cụ thể là:

- Bổ sung cụm từ “Học tập suốt đời” (Điều 2);
- Sửa tên Chương II: Quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của Hội;
- Sửa tên Điều 6: Quyền của Hội;
- Sửa tên Điều 7: Nghĩa vụ, trách nhiệm của Hội;

Thường trực Trung ương Hội xin kính trình Ban Thường vụ, Ban Chấp hành./.

TM. BAN THƯỜNG TRỰC TRUNG ƯƠNG HỘI
Chủ tịch

Nơi nhận

- Các ủy viên BCH;
- Lưu VP.

Nguyễn Thị Doan



ĐIỀU LỆ (SỬA ĐỔI, BỔ SUNG) HỘI KHUYẾN HỌC VIỆT NAM
(Phê duyệt kèm theo Quyết định số /QĐ-BNV ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
Điều 1. Tên gọi và Biểu tượng 1. Tên tiếng Việt: Hội Khuyến học Việt Nam. 2. Tên tiếng Anh: Vietnam Association for Learning Promotion. 3. Tên viết tắt theo tiếng Anh: VALP. 4. Biểu tượng được đăng ký bản quyền theo quy định của pháp luật.	Điều 1. Tên gọi và Biểu tượng (Giữ nguyên) 1. Tên tiếng Việt: Hội Khuyến học Việt Nam. 2. Tên tiếng Anh: Vietnam Association for Learning Promotion. 3. Tên viết tắt theo tiếng Anh: VALP. 4. Biểu tượng được đăng ký bản quyền theo quy định của pháp luật.
Điều 2. Tôn chỉ, mục đích Hội Khuyến học Việt Nam (sau đây gọi tắt là Hội) là tổ chức xã hội, tập hợp các lực lượng xã hội và công dân Việt Nam sinh sống ở trong nước và nước ngoài tâm huyết với sự nghiệp giáo dục, khuyến học, khuyến tài, góp phần xây dựng cả nước trở thành một xã hội học tập, nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, hội nhập khu vực và quốc tế.	Điều 2. Tôn chỉ, mục đích (Sửa đổi bổ sung) Hội Khuyến học Việt Nam (sau đây gọi tắt là Hội) là tổ chức xã hội, tập hợp các lực lượng xã hội và công dân Việt Nam sinh sống ở trong nước và nước ngoài tâm huyết với sự nghiệp giáo dục, khuyến học, khuyến tài, góp phần xây dựng cả nước trở thành một xã hội học tập, <i>học tập suốt đời</i>, nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, hội nhập khu vực và quốc tế.
Điều 3. Địa vị pháp lý, trụ sở 1. Hội Khuyến học Việt Nam có tư cách pháp nhân, có con dấu, có tài khoản riêng; hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam và Điều lệ Hội được Bộ trưởng Bộ Nội vụ phê duyệt. 2. Hội Khuyến học Việt Nam có trụ sở tại Hà Nội và Văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ: Trụ sở tại Hà Nội:	Điều 3. Địa vị pháp lý, trụ sở (Sửa đổi bổ sung) 1. Hội Khuyến học Việt Nam có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng; hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam và Điều lệ Hội được Bộ trưởng Bộ Nội vụ phê duyệt. 2. Hội Khuyến học Việt Nam có trụ sở tại Hà Nội và <i>đại diện văn phòng</i> tại Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ Trụ sở tại Hà Nội: Tầng 13, Cung Trí thức Thành phố, Số 1 Tôn Thất Thuyết, <i>phường Cầu Giấy</i>, Hà Nội.

Tầng 13, Cung Trí thức Thành phố, Số 1 Tôn Thất Thuyết, Dịch Vọng Hậu, Cầu Giấy, Hà Nội. Điện thoại: 043.7726.151, Fax: 043.7726.152; Email: khuyenhocvn@gmail.com Website: www.hoikhuyenhoc.vn Địa chỉ Văn phòng đại diện tại thành phố Hồ Chí Minh: Nhà 91/2 Trần Quốc Hoàn, phường 4, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. - Điện thoại : 083.8118.507; Fax: 083.8118.466 - Email : khuyenhocvp2@gmail.com	Điện thoại: 043.7726.151, Fax: 043.7726.152; Email: khuyenhocvn@gmail.com Website: www.hoikhuyenhoc.vn Địa chỉ đại diện văn phòng tại thành phố Hồ Chí Minh: Nhà A0805 The Everich, số 290 An Dương Vương, phường An Đông, Thành phố Hồ Chí Minh. Điện thoại: 0903804357 Email: ttavu234@gmail.com
Điều 4. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động 1. Hội hoạt động trên phạm vi cả nước trong lĩnh vực khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập. 2. Hội chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. 3. Hội chịu sự quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ, chịu sự quản lý nhà nước về lĩnh vực hoạt động chính của Hội của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các bộ, ngành có liên quan đến các hoạt động khuyến học của Hội theo quy định của pháp luật.	Điều 4. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động (Sửa đổi, bổ sung) 1. Hội hoạt động trên phạm vi cả nước trong lĩnh vực khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập. 2. Hội chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. 3. Hội chịu sự quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ, chịu sự quản lý nhà nước về lĩnh vực hoạt động chính của Hội của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các bộ, ngành có liên quan đến các hoạt động khuyến học của Hội theo quy định của pháp luật.
Điều 5. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động 1. Tự nguyện, tự quản. 2. Dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch. 3. Bảo đảm kinh phí hoạt động 4. Không vì mục đích lợi nhuận. 5. Tuân thủ Hiến Pháp, pháp luật và Điều lệ Hội.	Điều 5. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động (Giữ nguyên) 1. Tự nguyện, tự quản. 2. Dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch. 3. Bảo đảm kinh phí hoạt động 4. Không vì mục đích lợi nhuận. 5. Tuân thủ Hiến Pháp, pháp luật và Điều lệ Hội.
Chương II QUYỀN HẠN, NHIỆM VỤ Điều 6. Quyền hạn 1. Tuyên truyền sâu rộng tôn chỉ mục đích hoạt động của Hội trong xã hội, vận động các tổ chức, các lực lượng	Chương II QUYỀN, NGHĨA VỤ, TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI Điều 6. Quyền của Hội (Sửa đổi bổ sung) 1. Tổ chức, hoạt động theo Điều lệ Hội đã được phê duyệt;

xã hội và công dân Việt Nam tham gia thực hiện công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập. 2. Đại diện cho hội viên trong mối quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan trực tiếp đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội; 3. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Hội và hội viên theo đúng tôn chỉ, mục đích của Hội. 4. Nâng cao năng lực hoạt động khuyến học, khuyến tài; cung cấp thông tin cần thiết cho hội viên theo quy định của pháp luật. 5. Tư vấn, phản biện và giám định xã hội đối với các chủ trương, chương trình, dự án giáo dục và các văn bản quy phạm pháp luật có nội dung liên quan đến Hội theo yêu cầu của các cơ quan nhà nước; tổ chức các hình thức giáo dục cho mọi người thông qua hệ thống giáo dục không chính quy, tạo điều kiện và cơ hội để người dân được học tập suốt đời. 6. Được nhận các nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật. Được gây quỹ trên cơ sở hội phí của hội viên và các nguồn thu từ hoạt động kinh doanh, dịch vụ. Được Nhà nước hỗ trợ kinh phí đối với những hoạt động gắn với nhiệm vụ của Nhà nước giao. 7. Được giao lưu, hợp tác với các tổ chức quốc tế theo quy định của pháp luật.	2. Được cung cấp thông tin, phổ biến đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; 3. Được tham gia ý kiến trong xây dựng cơ chế, chính sách liên quan trực tiếp đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và lĩnh vực hoạt động của Hội; 4. Được giao thực hiện một số hoạt động chuyên môn, dịch vụ công phù hợp với lĩnh vực hoạt động của hội theo quy định; 5. Tham gia tư vấn, phản biện chính sách, chương trình, đề tài, dự án theo đề nghị của cơ quan nhà nước. Chủ trì hoặc tham gia đề tài, đề án liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội; 6. Được Nhà nước hỗ trợ kinh phí thực hiện nhiệm vụ được giao; 7. Được tổ chức một số hoạt động kinh tế; tiếp nhận nguồn lực hợp pháp trong nước và ngoài nước gắn với tôn chỉ, mục đích hoạt động, chức năng, nhiệm vụ được giao; quan hệ hợp tác với tổ chức, cá nhân; tham gia hoạt động đối ngoại nhân dân và một số cơ chế hợp tác theo quy định của pháp luật.
Điều 7. Nhiệm vụ 1. Chấp hành các quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức và hoạt động của Hội, không lợi dụng hoạt động của Hội để làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống của dân tộc.	Điều 7. Nghĩa vụ, trách nhiệm của Hội (Sửa đổi bổ sung) 1. Chấp hành các quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức và hoạt động của Hội, không lợi dụng hoạt động của Hội để làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống của dân tộc.

2. Liên kết, phối hợp với các tổ chức, các lực lượng xã hội, các cơ sở giáo dục triển khai các hoạt động khuyến học khuyến tài, xây dựng xã hội học tập theo tinh thần đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo trên phạm vi cả nước. 3. Tập hợp, đoàn kết hội viên và các lực lượng xã hội đầy mạnh các hoạt động khuyến học, khuyến tài, thực hiện công bằng xã hội và tạo cơ hội cho mọi công dân được học tập thường xuyên, học suốt đời nâng cao trình độ chuyên môn, nghề nghiệp góp phần đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội đất nước. 4. Khuyến khích người lao động có sáng kiến đóng góp hiệu quả cho sự nghiệp xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; hỗ trợ học bổng cho học sinh nghèo, phần thưởng cho học sinh giỏi có thành tích cao trong học tập và tu dưỡng. 5. Phát triển các hình thức dịch vụ học tập để hỗ trợ và khuyến khích việc học tập của thế hệ trẻ và người đã trưởng thành theo quy định của pháp luật. 6. Kiến nghị với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoạch định chính sách tạo động lực cho các hoạt động khuyến học của Hội. 7. Thúc đẩy quan hệ, hợp tác với các tổ chức trong và ngoài nước để trao đổi kinh nghiệm và học tập lẫn nhau về đào tạo, nghiên cứu khoa học, ứng dụng, chuyển giao công nghệ, hội thảo, hội nghị, tham quan học tập, tư vấn và cung ứng dịch vụ đào tạo. 8. Tài chính của Hội được sử dụng đúng mục đích khuyến học, khuyến tài, nguyên tắc công khai, minh bạch.	2. Liên kết, phối hợp với các tổ chức, các lực lượng xã hội, các cơ sở giáo dục triển khai các hoạt động khuyến học khuyến tài, xây dựng xã hội học tập theo tinh thần đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo trên phạm vi cả nước. 3. Tập hợp, đoàn kết hội viên và các lực lượng xã hội đầy mạnh các hoạt động khuyến học, khuyến tài, thực hiện công bằng xã hội và tạo cơ hội cho mọi công dân được học tập thường xuyên, học suốt đời nâng cao trình độ chuyên môn, nghề nghiệp góp phần đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội đất nước. 4. Đa dạng hóa các loại hình huy động quỹ khuyến học trong và ngoài nước để hỗ trợ cho học sinh, sinh viên vượt khó vươn lên trong học tập; hỗ trợ cho việc dạy và học của người lớn vươn lên học tập suốt đời. 5. Kiến nghị với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoạch định chính sách tạo động lực cho các hoạt động khuyến học của Hội. 6. Thúc đẩy quan hệ, hợp tác với các tổ chức trong và ngoài nước để trao đổi kinh nghiệm và học tập lẫn nhau về đào tạo, nghiên cứu khoa học, ứng dụng, chuyển giao công nghệ, hội thảo, hội nghị, tham quan học tập, tư vấn và cung ứng dịch vụ đào tạo.
Chương III HỘI VIÊN	Chương III HỘI VIÊN
Điều 8. Hội viên, tiêu chuẩn hội viên 1. Hội viên của Hội gồm hội viên chính thức và hội viên danh dự. a) Hội viên chính thức gồm hội viên cá nhân và hội viên tổ chức.	Điều 8. Hội viên, tiêu chuẩn hội viên (Sửa đổi bổ sung) 1. Hội viên của Hội gồm hội viên chính thức, <i>hội viên liên kết</i> và hội viên danh dự. a) Hội viên chính thức gồm hội viên cá nhân và hội viên tổ chức.

Hội viên cá nhân là công dân Việt Nam sinh sống ở trong nước và ngoài nước có đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 2 Điều này, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện gia nhập Hội, được Ban Chấp hành Hội chấp thuận là hội viên chính thức của Hội;

Hội viên tổ chức là Hội khuyến học hoạt động ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các tổ chức liên quan đến khuyến học, trường học được thành lập hợp pháp theo quy định của pháp luật, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện gia nhập Hội, được Ban Chấp hành Hội chấp thuận là hội viên chính thức của Hội.

Hội viên chính thức của Hội được cấp thẻ Hội viên và sinh hoạt trong một tổ chức của Hội.

b) Hội viên danh dự, gồm công dân và các tổ chức có đóng góp tích cực, hiệu quả cho sự phát triển của Hội, được Hội suy tôn là hội viên danh dự.

2. Tiêu chuẩn hội viên chính thức.

Là công dân Việt Nam (kể cả người có quốc tịch Việt Nam đang sinh sống và làm việc ở nước ngoài), các tổ chức Việt Nam có liên quan đến lĩnh vực khuyến học, được thành lập hợp pháp, tâm huyết với sự nghiệp khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập. Đại diện cho hội viên tổ chức tham gia hội phải là công dân Việt Nam.

Điều 9. Quyền của hội viên

1. Được Hội bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật.

2. Được Hội cung cấp thông tin liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội, được tham gia các hoạt động do Hội tổ chức.

3. Được tham gia góp ý xây dựng các chủ trương và các kế hoạch công tác của Hội, được kiến nghị, đề xuất ý kiến với tổ chức Hội về những vấn đề có liên quan đến các lĩnh vực hoạt động của Hội.

Hội viên cá nhân là công dân Việt Nam sinh sống ở trong nước và ngoài nước có đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 2 Điều này, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện gia nhập Hội, được Ban Chấp hành Hội chấp thuận là hội viên chính thức của Hội;

Hội viên tổ chức là Hội khuyến học hoạt động ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các tổ chức liên quan đến khuyến học, trường học được thành lập hợp pháp theo quy định của pháp luật, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện gia nhập Hội, được Ban Chấp hành Hội chấp thuận là hội viên chính thức của Hội.

Hội viên chính thức của Hội được cấp thẻ Hội viên và sinh hoạt trong một tổ chức của Hội.

b) Hội viên liên kết gồm tổ chức, công dân Việt Nam không có điều kiện tham gia đây đủ hoạt động của Hội theo quy định, nhưng tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện đăng ký tham gia hội, có thể trở thành hội viên liên kết của Hội.

c) Hội viên danh dự, gồm tổ chức, công dân Việt Nam có uy tín, đóng góp tích cực, hiệu quả cho sự phát triển của Hội, được Hội suy tôn là hội viên danh dự.

2. Tiêu chuẩn hội viên chính thức.

Là công dân Việt Nam (kể cả người có quốc tịch Việt Nam đang sinh sống và làm việc ở nước ngoài), các tổ chức Việt Nam có liên quan đến lĩnh vực khuyến học, được thành lập hợp pháp, tâm huyết với sự nghiệp khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập. Đại diện cho hội viên tổ chức tham gia hội phải là công dân Việt Nam.

Điều 9. Quyền của hội viên (Sửa đổi, bổ sung)

1. Được Hội bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật.

2. Được Hội cung cấp thông tin liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội, được tham gia các hoạt động do Hội tổ chức.

3. Được tham gia góp ý xây dựng các chủ trương và các kế hoạch công tác của Hội, được kiến nghị, đề xuất ý kiến với tổ chức Hội về những vấn đề có liên quan đến các lĩnh vực hoạt động của Hội.

4. Được ứng cử, đề cử, bầu cử các chức danh lãnh đạo của Hội theo Điều lệ của Hội. 5. Được giới thiệu hội viên mới. 6. Được Hội khen thưởng khi có thành tích xuất sắc trong phong trào khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập và được Hội đề nghị cơ quan nhà nước khen thưởng theo quy định của Luật Thi đua khen thưởng. 7. Được quyền ra khỏi Hội một cách tự nguyện. 8. <i>Hội viên liên kết</i>, hội viên danh dự được hưởng các quyền và nghĩa vụ như hội viên chính thức, trừ quyền biểu quyết các vấn đề của Hội và quyền ứng cử, đề cử, bầu cử <i>Ban Chấp hành</i>, Ban Thường vụ, Ban Kiểm tra Hội.	4. Được ứng cử, đề cử, bầu cử các chức danh lãnh đạo của Hội theo Điều lệ của Hội. 5. Được giới thiệu hội viên mới. 6. Được Hội khen thưởng khi có thành tích xuất sắc trong phong trào khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập và được Hội đề nghị cơ quan nhà nước khen thưởng theo quy định của Luật Thi đua khen thưởng. 7. Được quyền ra khỏi Hội một cách tự nguyện. 8. Hội viên danh dự được hưởng các quyền và nghĩa vụ như hội viên chính thức, trừ quyền biểu quyết các vấn đề của Hội và quyền ứng cử, đề cử, bầu cử Ban lãnh đạo Hội, Ban Kiểm tra Hội.
Điều 10. Nghĩa vụ của hội viên (<i>Giữ nguyên</i>) 1. Nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. 2. Nghiêm chỉnh chấp hành Điều lệ Hội, các nghị quyết của Hội, hoàn thành tốt nhiệm vụ được các tổ chức Hội giao. 13. Tham gia các hoạt động và sinh hoạt của Hội, đoàn kết, hợp tác với các hội viên khác xây dựng Hội phát triển vững mạnh. 4. Bảo vệ uy tín của Hội, không được nhân danh Hội trong các quan hệ giao dịch, trừ khi được lãnh đạo Hội phân công bằng văn bản. 5. Đóng hội phí đầy đủ, đúng hạn theo quy định của Hội.	Điều 10. Nghĩa vụ của hội viên 1. Nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. 2. Nghiêm chỉnh chấp hành Điều lệ Hội, các nghị quyết của Hội, hoàn thành tốt nhiệm vụ được các tổ chức Hội giao. 3. Tham gia các hoạt động và sinh hoạt của Hội, đoàn kết, hợp tác với các hội viên khác xây dựng Hội phát triển vững mạnh. 4. Bảo vệ uy tín của Hội, không được nhân danh Hội trong các quan hệ giao dịch, trừ khi được lãnh đạo Hội phân công bằng văn bản. 5. Đóng hội phí đầy đủ, đúng hạn theo quy định của Hội.
Điều 11. Thủ tục, thẩm quyền kết nạp hội viên; thủ tục ra khỏi hội (<i>Sửa đổi bổ sung</i>) 1. Thủ tục, thẩm quyền kết nạp hội viên: Tổ chức, công dân đủ điều kiện quy định tại Điều 8 Điều lệ Hội nếu có nguyện vọng làm hội viên của Hội thì được Ban Thường vụ xem xét đề kết nạp làm hội viên của Hội. - Hồ sơ gia nhập gồm: a) Đơn xin gia nhập (theo mẫu);	Điều 11. Thủ tục, thẩm quyền kết nạp hội viên; thủ tục ra khỏi hội 1. Thủ tục, thẩm quyền kết nạp hội viên: Tổ chức, công dân đủ điều kiện quy định tại Điều 8 Điều lệ này nếu có nguyện vọng làm hội viên của Hội thì được Ban Thường vụ xem xét đề kết nạp làm hội viên của Hội. - Hồ sơ gia nhập gồm: a) Đơn xin gia nhập (theo mẫu);

b) Bản sao Điều lệ, các quy định của tổ chức gia nhập và quyết định cho phép thành lập của cơ quan có thẩm quyền; c) Danh sách lãnh đạo chủ chốt đại diện cho tổ chức; d) Văn bản cam kết tuân thủ Điều lệ của Hội; đ) Đóng hội phí theo quy định; e) Đối với cá nhân nếu có nguyện vọng tham gia làm hội viên của Hội có đơn và đóng hội phí theo quy định; g) Ban Thường vụ quy định thể thức gia nhập, xem xét, quyết định công nhận hội viên của Hội. 2. Thủ tục ra khỏi Hội: a) Hội viên muốn xin ra khỏi Hội phải có đơn gửi Ban Thường vụ xem xét, quyết định; b) Đối với ủy viên Ban Chấp hành, muốn xin ra khỏi Hội phải có đơn gửi Ban Chấp hành và báo cáo tại cuộc họp Ban Chấp hành gần nhất. Ban Chấp hành sẽ xem xét, quyết định; c) Trước khi ra khỏi Hội, ra khỏi Ban Chấp hành, Ủy viên Ban Chấp hành phải tiến hành bàn giao công việc, cơ sở vật chất, tài chính mà mình phụ trách cho tổ chức, cá nhân được Ban Chấp hành ủy nhiệm; d) Ủy viên Ban Chấp hành không tham dự liên tục ba kỳ họp Ban Chấp hành mà không có lý do chính đáng thì mặc nhiên bị xóa tên trong danh sách Ban Chấp hành đồng thời vẫn phải có trách nhiệm bàn giao công việc, cơ sở vật chất, tài chính mà mình phụ trách cho Hội; đ) Hội viên vi phạm pháp luật, làm trái Điều lệ Hội, hoặc mắc sai lầm nghiêm trọng ảnh hưởng xấu đến uy tín của Hội, sẽ bị xóa tên danh sách hội viên của Hội.	b) Bản sao Điều lệ, các quy định của tổ chức gia nhập và quyết định cho phép thành lập của cơ quan có thẩm quyền; c) Danh sách lãnh đạo chủ chốt đại diện cho tổ chức; d) Văn bản cam kết tuân thủ Điều lệ của Hội; đ) Đóng hội phí theo quy định; e) Đối với cá nhân nếu có nguyện vọng tham gia làm hội viên của Hội <i>thì đăng ký</i> và đóng hội phí theo quy định; g) Ban Thường vụ quy định thể thức gia nhập, xem xét, quyết định công nhận hội viên của Hội. 2. Thủ tục ra khỏi Hội: a) Hội viên muốn xin ra khỏi Hội <u>phải có đơn</u> gửi Ban Thường vụ xem xét, quyết định; b) Đối với ủy viên Ban Chấp hành, muốn xin ra khỏi Hội phải có đơn gửi Ban Chấp hành và báo cáo tại cuộc họp Ban Chấp hành gần nhất. Ban Chấp hành sẽ xem xét, quyết định; c) Trước khi ra khỏi Hội, ra khỏi Ban Chấp hành, Ủy viên Ban Chấp hành phải tiến hành bàn giao công việc, cơ sở vật chất, tài chính mà mình phụ trách cho tổ chức, cá nhân được Ban Chấp hành ủy nhiệm; d) Ủy viên Ban Chấp hành không tham dự liên tục ba kỳ họp Ban Chấp hành mà không có lý do chính đáng thì mặc nhiên bị xóa tên trong danh sách Ban Chấp hành đồng thời vẫn phải có trách nhiệm bàn giao công việc, cơ sở vật chất, tài chính mà mình phụ trách cho Hội; đ) Hội viên vi phạm pháp luật, làm trái Điều lệ Hội, hoặc mắc sai lầm nghiêm trọng ảnh hưởng xấu đến uy tín của Hội, sẽ bị xóa tên danh sách hội viên của Hội. 3. Ban Chấp hành ban hành Quy chế quy định cụ thể về thủ tục kết nạp hội viên, cho hội viên ra khỏi Hội phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.
Chương IV TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG	Chương IV TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

Điều 12. Cơ cấu tổ chức của Hội 1. Đại hội. 2. Ban Chấp hành Hội. 3. Ban Thường vụ Hội. 4. Ban Kiểm tra. 5. Văn phòng và các ban chuyên môn. 6. Các tổ chức có tư cách pháp nhân trực thuộc Hội.	Điều 12. Cơ cấu tổ chức của Hội (Giữ nguyên) 1. Đại hội. 2. Ban Chấp hành Hội. 3. Ban Thường vụ Hội. 4. Ban Kiểm tra. 5. Văn phòng và các ban chuyên môn. 6. Các tổ chức có tư cách pháp nhân trực thuộc Hội.
Điều 13. Đại hội 1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội là Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường. Đại hội nhiệm kỳ được tổ chức 05 (năm) năm một lần. Đại hội bất thường được triệu tập khi ít nhất có 2/3 (hai phần ba) số ủy viên Ban Chấp hành hoặc có ít nhất 1/2 (một phần hai) số hội viên chính thức đề nghị. 2. Đại hội nhiệm kỳ, Đại hội bất thường được tổ chức dưới hình thức Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu. Đại hội được tổ chức khi có trên 1/2 (một phần hai) số hội viên chính thức hoặc có trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức có mặt. 3. Số lượng, cơ cấu thành phần đại biểu dự Đại hội gồm ủy viên Ban Chấp hành đương nhiệm là đại biểu đương nhiên, đại biểu bầu của Đại hội các Hội Khuyến học tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và đại biểu chỉ định (nếu có). 4. Nhiệm vụ của Đại hội: a) Thảo luận và thông qua Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ, phương hướng nhiệm vụ nhiệm kỳ mới của Hội; b) Thảo luận và thông qua Điều lệ (nếu có sửa đổi, bổ sung); c) Thảo luận, góp ý kiến vào Báo cáo Kiểm điểm của Ban Chấp hành và Báo cáo Tài chính của Hội; d) Bầu Ban Chấp hành; đ) Bầu Ban Kiểm tra; e) Thông qua Nghị quyết Đại hội.	Điều 13. Đại hội (Sửa đổi bổ sung) 1. <i>Đại hội toàn quốc</i> là cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội, được tổ chức theo nhiệm kỳ 05 năm một lần hoặc bất thường <i>trong trường hợp cần thiết</i>. 2. <i>Đại hội chỉ được tiến hành khi có trên 2/3 (hai phần ba) đại biểu triệu tập có mặt</i>. Đại hội bất thường được <i>tiến hành khi có kiến nghị của trên 2/3 (hai phần ba)</i> thành viên Ban Chấp hành Hội đương nhiệm và <i>được sự đồng ý của cấp có thẩm quyền</i>. 3. Số lượng, cơ cấu, <i>tiêu chuẩn, điều kiện</i> đối với đại biểu tham dự Đại hội do Ban Chấp hành triệu tập quyết định; việc công nhận, không công nhận tư cách đại biểu do Đại hội quyết định. 4. <i>Ban Chấp hành đương nhiệm triệu tập Đại hội sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt đề án tổ chức đại hội, văn kiện và nhân sự trình đại hội</i>. 5. Nhiệm vụ của Đại hội: a) <i>Đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết của nhiệm kỳ qua, quyết định phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp nhiệm kỳ tới;</i> b) Thảo luận và thông qua Điều lệ (nếu có sửa đổi, bổ sung) <i>hoặc tiếp tục sử dụng Điều lệ hiện hành;</i> c) Thảo luận, góp ý kiến vào Báo cáo Kiểm điểm của Ban Chấp hành và Báo cáo Tài chính của Hội; d) <i>Thông qua đề án nhân sự đại hội do Ban Chấp hành đương nhiệm trình;</i> đ) Bầu Ban Chấp hành <i>nhiệm kỳ mới;</i> e) <i>Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ Hội;</i> g) Thông qua Nghị quyết Đại hội.

Điều 14. Ban Chấp hành Hội

1. Ban Chấp hành Hội do Đại hội bầu trong số các hội viên của Hội. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành cùng với nhiệm kỳ của Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành:

- a) Tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội, Điều lệ Hội, lãnh đạo mọi hoạt động của Hội giữa hai kỳ Đại hội;
- b) Chuẩn bị và quyết định triệu tập Đại hội;
- c) Quyết định chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của Hội;
- d) Quyết định cơ cấu, tổ chức bộ máy của Hội. Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ; Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản; Quy chế quản lý sử dụng con dấu; Quy chế khen thưởng, kỷ luật và các quy định trong nội bộ Hội phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật;

đ) Bầu, miễn nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký, các Phó Chủ tịch, ủy viên Ban Thường vụ, bầu bổ sung ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra. Số ủy viên Ban Chấp hành bầu bổ sung không quá 1/4 (một phần tư) so với số lượng ủy viên Ban Chấp hành đã được Đại hội quyết định.

Điều 14. Ban Chấp hành Hội (Sửa đổi, bổ sung)

1. Ban chấp hành hội là cơ quan lãnh đạo giữa 02 kỳ đại hội do Đại hội bầu trong số các hội viên chính thức của Hội. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn, điều kiện, sức khỏe, độ tuổi của ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành trùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành:

- a) *Xây dựng đề án nhân sự đại hội, dự kiến cụ thể số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn, điều kiện Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Thường trực Hội và Ban Kiểm tra nhiệm kỳ mới;*
- b) Bầu Ban Thường vụ, Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Ban Kiểm tra và Trưởng Ban Kiểm tra;
- c) Tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội, Điều lệ Hội, lãnh đạo mọi hoạt động của Hội giữa hai kỳ Đại hội;
- c) Chuẩn bị và quyết định triệu tập Đại hội;
- d) Quyết định chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của Hội;
- đ) Quyết định cơ cấu, tổ chức bộ máy của Hội;
- e) Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, *Ban Kiểm tra*; Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản *của Hội*; Quy chế quản lý sử dụng con dấu; Quy chế khen thưởng, kỷ luật; các quy chế khác và quy định trong nội bộ Hội phù hợp với quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật;

g) Bầu, miễn nhiệm, *bãi nhiệm, tạm đình chỉ công tác và cho phép công tác trở lại đối với* Chủ tịch, Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký, các Phó Chủ tịch, ủy viên Ban Thường vụ, ủy viên Ban Chấp hành, *Trưởng Ban, Phó Trưởng ban, ủy viên Ban Kiểm tra; bầu bổ sung ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra.* Số ủy viên Ban Chấp hành, *Ban Kiểm tra* bầu bổ sung không được quá 1/4 (một phần tư) số lượng thành viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra đã được Đại hội quyết định. *Tổng số thành viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra không được vượt quá số lượng thành viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra đã được Đại hội biểu quyết thông qua.*

Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, tạm đình chỉ công tác và cho phép công tác trở lại đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư

kỷ và các Phó Chủ tịch phải báo cáo cấp có thẩm quyền đồng ý trước khi thực hiện.

h) Thực hiện các nhiệm vụ, *quyền hạn* khác theo quy định của Điều lệ Hội phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Chấp hành:

a) Ban Chấp hành hoạt động theo Quy chế của Ban Chấp hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Chấp hành họp thường kỳ mỗi năm họp một lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Ban Thường vụ hoặc trên 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành. ***Ban Chấp hành có thể tổ chức họp trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc kết hợp cả hai hình thức, do Ban Chấp hành quyết định;***

c) Các cuộc họp của Ban Chấp hành là họp lệ khi có ít nhất 2/3 (hai phần ba) ủy viên Ban Chấp hành tham gia dự họp. Ban Chấp hành có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Chấp hành quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Chấp hành biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội;

đ) Giữa hai kỳ họp, Ban Chấp hành có thể biểu quyết hoặc quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Chấp hành thông qua việc lấy ý kiến Ban Chấp hành bằng văn bản.

d) Các Nghị quyết, Quyết định của Ban Chấp hành được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Chấp hành biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định có hiệu lực thuộc bên có ý kiến của Chủ tịch Hội.

Điều 15. Ban Thường vụ Hội (Sửa đổi, bổ sung)

1. Ban Thường vụ Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành, là cơ quan lãnh đạo giữa 02 kỳ họp Ban Chấp hành. Nhiệm kỳ của Ban Thường vụ trùng với nhiệm kỳ Đại hội.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Chấp hành:

a) Ban Chấp hành hoạt động theo Quy chế của Ban Chấp hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Chấp hành họp thường kỳ mỗi năm một lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Ban Thường vụ hoặc trên 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành;

c) Các cuộc họp của Ban Chấp hành được họp lệ khi có ít nhất 2/3 (hai phần ba) ủy viên Ban Chấp hành tham dự họp. Ban Chấp hành có thể họp trực tiếp hoặc trực tuyến, hoặc lấy ý kiến bằng văn bản (trong trường hợp đặc biệt, dịch bệnh, thiên tai không tổ chức họp trực tiếp). Ban Chấp hành có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín, việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Chấp hành quyết định;

d) Các Nghị quyết, Quyết định của Ban Chấp hành được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Chấp hành dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định có hiệu lực thuộc bên có ý kiến của Chủ tịch Hội.

Điều 15. Ban Thường vụ Hội

1. Ban Thường vụ do Ban Chấp hành bầu trong số ủy viên Ban Chấp hành; Ban Thường vụ Hội gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các ủy viên. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Thường vụ do

Ban Chấp hành quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Thường vụ cùng với nhiệm kỳ Đại hội. 2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Thường vụ: a) Thay mặt Ban Chấp hành tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội, Nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, điều hành hoạt động của Hội giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành; b) Chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập họp Ban Chấp hành; c) Quyết định thành lập các tổ chức, đơn vị trực thuộc Hội, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm lãnh đạo các tổ chức, đơn vị trực thuộc Hội; d) Báo cáo tài chính, Quỹ Khuyến học của Hội trước Ban chấp hành; đ) Quyết định cơ cấu, tổ chức, nhân sự, các bộ phận giúp việc cho Hội; e) Ban hành quy chế Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản, quy chế sử quản lý, sử dụng con dấu, quy chế khen thưởng, kỷ luật và các quy chế khác của Hội phù hợp với Điều lệ Hội và các quy định của pháp luật. g) Quyết định kết nạp, thu tục ra khỏi Hội đối với hội viên theo quy định tại điểm 2a, Điều 11 của Điều lệ này. 3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Thường vụ: a) Ban Thường vụ hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành ban hành; b) Ban Thường vụ mỗi năm họp hai lần, có thể họp bất thường hoặc họp chuyên đề khi có yêu cầu của Chủ tịch Hội hoặc 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Thường vụ; c) Các cuộc họp của Ban Thường vụ là họp lệ khi có ít nhất 2/3 (hai phần ba) ủy viên Ban Thường vụ tham gia dự họp. Ban Thường vụ có thể họp trực tiếp hoặc họp trực tuyến, hoặc lấy ý kiến bằng văn bản, phiếu xin ý kiến khi có tình hình đặc biệt về dịch bệnh, thiên tai. Ban Thường vụ có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín hoặc gửi phiếu xin ý kiến khi có tình hình đặc biệt về dịch bệnh, thiên tai. d) Các Nghị quyết, quyết định của Ban Thường vụ được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Thường vụ biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không	
Ban Thường vụ Hội gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các ủy viên. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Thường vụ do Ban Chấp hành quyết định. 2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thường vụ: a) <i>Giúp</i> Ban Chấp hành triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội, <i>tổ chức thực hiện</i> nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, <i>lãnh đạo</i> hoạt động của Hội giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành; b) Chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập họp Ban Chấp hành; c) Quyết định thành lập các tổ chức thuộc Hội; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm lãnh đạo các tổ chức thuộc Hội; d) Báo cáo tài chính, Quỹ Khuyến học của Hội trước Ban chấp hành; đ) Quyết định cơ cấu, tổ chức, nhân sự, các bộ phận giúp việc cho Hội; e) Ban hành quy chế Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản, quy chế sử quản lý, sử dụng con dấu, quy chế khen thưởng, kỷ luật và các quy chế khác của Hội phù hợp với Điều lệ Hội và các quy định của pháp luật. g) <i>Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ Hội.</i> 3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Thường vụ: a) Ban Thường vụ hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành ban hành; tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội; b) Ban Thường vụ mỗi năm họp hai lần, có thể họp bất thường hoặc họp chuyên đề khi có yêu cầu của Chủ tịch Hội hoặc 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Thường vụ. <i>Ban Thường vụ có thể tổ chức họp trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc kết hợp cả hai hình thức trực tiếp và trực tuyến do Ban Thường vụ quyết định;</i> c) Các cuộc họp của Ban Thường vụ là họp lệ khi có 2/3 (hai phần ba) ủy viên Ban Thường vụ tham gia dự họp. Ban Thường vụ có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. <i>Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Thường vụ quyết định;</i> d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Thường vụ được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Thường vụ biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và	

tán thành ngang nhau thì quyết định có hiệu lực thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội.	không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội; đ) Giữa hai kỳ họp, Ban Thường vụ có thể biểu quyết hoặc quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Thường vụ thông qua việc lấy ý kiến Ban Thường vụ bằng văn bản.
Điều 16. Thường trực Hội 1. Thường trực Hội gồm: a) Chủ tịch Hội; b) Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký; c) Các Phó Chủ tịch chuyên trách (là những người hoạt động chuyên trách); d) Chánh Văn phòng Hội; đ) Các Trưởng Ban của Hội (Ban Phong trào, Tổ chức - Cán bộ, Thông tin - Tuyên truyền, Quản lý các Trung tâm).	Điều 16. Thường trực Hội (Sửa đổi, bổ sung) 1. Thường trực Hội gồm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch chuyên trách là Cơ quan điều hành công việc hàng ngày của Hội. 2. Các Phó Chủ tịch gồm: a) Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký; b) Các Phó Chủ tịch chuyên trách (là những người hoạt động chuyên trách). 3. Thường trực Hội làm việc theo nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, quyết định theo đa số.
Điều 17. Ban Kiểm tra Hội 1. Ban Kiểm tra Hội gồm Trưởng ban, Phó trưởng ban và một số ủy viên do Ban Chấp hành bầu trong số ủy viên Ban Chấp hành Hội. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Kiểm tra do Ban Chấp hành quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra cùng với nhiệm kỳ Đại hội. 2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm tra: a) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ Hội, Nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, các quy chế của Hội trong hoạt động của các tổ chức của các tổ chức thuộc Hội, hội viên; b) Xem xét, giải quyết đơn, thư kiến nghị, khiếu nại, tố cáo có liên quan đến Hội của các tổ chức, hội viên và công dân gửi đến Hội; c) Kiểm tra, giám sát việc thu, chi tài chính của Hội, giúp cơ quan quản lý sử dụng tài chính đúng mục đích, đúng quy chế, công khai minh bạch, tiết kiệm.	Điều 17. Ban Kiểm tra Hội (Sửa đổi, bổ sung) 1. Ban Kiểm tra Hội gồm Trưởng ban, Phó trưởng ban và một số ủy viên do Ban Chấp hành bầu trong số ủy viên Ban Chấp hành Hội. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Kiểm tra do Ban Chấp hành quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra cùng với nhiệm kỳ Đại hội. 2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm tra: a) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ Hội, nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, các quy chế của Hội trong hoạt động của các tổ chức thuộc Hội, hội viên; b) Xem xét, xử lý đơn, thư, phản ánh, kiến nghị, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, hội viên và công dân liên quan tới tổ chức Hội, hội viên, các tổ chức thuộc Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội. c) Kiểm tra, giám sát việc thu, chi tài chính của Hội, giúp cơ quan quản lý sử dụng tài chính đúng mục đích, đúng quy chế, công khai minh bạch, tiết kiệm. 3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm tra:

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm tra: Ban Kiểm tra hoạt động theo Quy chế tổ chức, bộ máy và hoạt động do Ban Kiểm tra ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.	a) Ban Kiểm tra hoạt động theo Quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội; b) <i>Giữa hai kỳ họp, Ban Kiểm tra có thể biểu quyết hoặc quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm tra thông qua việc lấy ý kiến thành viên bằng văn bản.</i>
Điều 18. Chủ tịch, Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký, các Phó Chủ tịch Hội 1. Chủ tịch Hội là người đại diện pháp luật của Hội, chịu trách nhiệm trước Hội và trước pháp luật về mọi hoạt động của Hội. Chủ tịch Hội là ủy viên Ban Thường vụ, do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành Hội. Tiêu chuẩn Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định. 2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội: a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội; b) Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Ban Chấp hành về mọi hoạt động của Hội. Chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của Hội theo quy định Điều lệ Hội; nghị quyết Đại hội, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội; c) Chủ trì các phiên họp của Ban Chấp hành, chỉ đạo chuẩn bị, triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban Thường vụ Hội; d) Thay mặt Ban Chấp hành, Ban Thường vụ ký các văn bản của Hội; đ) Cùng Phó Chủ tịch kiêm Tổng thư ký lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động của Văn phòng, các ban chuyên môn, các tổ chức trực thuộc Hội; e) Khi Chủ tịch Hội vắng mặt, việc chỉ đạo, điều hành giải quyết công việc của Hội được ủy quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch kiêm Tổng thư ký. 2. Phó Chủ tịch Hội. Phó Chủ tịch Hội là ủy viên Ban Thường vụ, do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành Hội. Tiêu chuẩn Phó Chủ tịch do Ban Chấp hành Hội quy định. Phó Chủ tịch Hội kiêm Tổng	Điều 18. Chủ tịch, Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký, các Phó Chủ tịch Hội (Sửa đổi, bổ sung) 1. Chủ tịch Hội là người đại diện của Hội trước pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của Hội. Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên <i>Ban Thường vụ Hội</i>. Tiêu chuẩn của Chủ tịch Hội <i>theo quy định của Đảng, Nhà nước hiện hành</i> và do Ban Chấp hành Hội quy định. 2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội: a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội; b) <i>Chịu trách nhiệm toàn diện trước cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập Hội, cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực hoạt động chính của Hội</i>, trước Ban Chấp hành, <i>Ban Thường vụ Hội</i> về mọi hoạt động của Hội. Chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của Hội theo quy định của Điều lệ Hội; nghị quyết Đại hội, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội; c) Chủ trì các phiên họp của Ban Chấp hành, chỉ đạo chuẩn bị, triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban Thường vụ Hội; d) Thay mặt Ban Chấp hành, Ban Thường vụ ký các văn bản của Hội; đ) Cùng Phó Chủ tịch kiêm Tổng thư ký lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động của Văn phòng, các ban chuyên môn, các tổ chức trực thuộc Hội; e) Khi Chủ tịch Hội vắng mặt, việc chỉ đạo, điều hành giải quyết công việc của Hội được ủy quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch kiêm Tổng thư ký. 3. Phó Chủ tịch Hội. a) Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên <i>Ban Thường vụ Hội</i>. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với Phó Chủ tịch Hội

thư ký giúp Chủ tịch Hội chỉ đạo, điều hành thực hiện Nghị quyết, kế hoạch, chương trình công tác, quy định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội và thường trực giải quyết những công việc chung hàng ngày của Hội. Thay mặt Chủ tịch Hội chủ trì các cuộc họp của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ trong trường hợp được Chủ tịch Hội phân công hoặc khi vắng mặt. Các Phó Chủ tịch gồm: - Phó Chủ tịch chuyên trách (người hoạt động chuyên trách); - Phó Chủ tịch không chuyên trách. Các Phó Chủ tịch chuyên trách và không chuyên trách là người giúp Chủ tịch Hội chỉ đạo, điều hành công tác của Hội theo sự phân công của Chủ tịch Hội; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội và trước pháp luật về lĩnh vực công việc được Chủ tịch phân công hoặc ủy quyền. Phó Chủ tịch Hội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành Hội.	do Ban Chấp hành Hội quy định, bảo đảm độ tuổi, sức khỏe, nhiệm kỳ theo quy định của cấp có thẩm quyền. b) Phó Chủ tịch, Tổng thư ký giúp Chủ tịch Hội chỉ đạo, điều hành thực hiện Nghị quyết, kế hoạch, chương trình công tác, quy định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội và thường trực giải quyết những công việc chung hàng ngày của Hội. Thay mặt Chủ tịch Hội chủ trì các cuộc họp của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ trong trường hợp được Chủ tịch Hội phân công hoặc khi vắng mặt; c) Các Phó Chủ tịch chuyên trách và không chuyên trách là người giúp Chủ tịch Hội chỉ đạo, điều hành công tác của Hội theo sự phân công của Chủ tịch Hội; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội và trước pháp luật về lĩnh vực công việc được Chủ tịch phân công hoặc ủy quyền. Phó Chủ tịch Hội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.
Điều 19. Văn phòng, các ban chuyên môn và tổ chức thuộc Hội 1. Việc thành lập Văn phòng, các ban chuyên môn và bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo Văn phòng, các ban chuyên môn do Chủ tịch Hội quyết định theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội. 2. Văn phòng, các Ban chuyên môn là những bộ phận giúp việc Ban Thường vụ, chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Thường trực; hoạt động theo quy chế hoạt động do Ban Thường vụ Hội phê duyệt. 3. Việc thành lập các tổ chức trực thuộc Hội do Ban Thường vụ ủy quyền cho Thường trực xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.	Điều 19. Văn phòng, các ban chuyên môn và đơn vị trực thuộc Hội (Sửa đổi, bổ sung) 1. Việc thành lập Văn phòng, các ban chuyên môn và bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo Văn phòng, các ban chuyên môn do Chủ tịch Hội quyết định theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội. 2. Văn phòng, các Ban chuyên môn là những bộ phận <i>tham mưu</i> giúp <i>Ban Chấp hành</i>, Ban Thường vụ, <i>Ban Kiểm tra thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội</i>; chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Thường trực <i>Hội</i>; hoạt động theo quy chế hoạt động do Ban Thường vụ Hội phê duyệt. 3. Việc thành lập <i>các đơn vị trực thuộc Hội</i> do Ban Thường vụ ủy quyền cho Thường trực xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.
Chương V CHIA TÁCH, SÁP NHẬP, HỢP NHẤT, ĐỔI TÊN, GIẢI THỂ Điều 20. Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể	Chương V CHIA TÁCH, SÁP NHẬP, HỢP NHẤT, ĐỔI TÊN, GIẢI THỂ Điều 20. Đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất và giải thể Hội (Giữ nguyên)

1. Việc chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể Hội thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự, quy định của pháp luật về hội, nghị quyết Đại hội và các quy định pháp luật có liên quan. 2. Khi chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; giải thể Hội phải tiến hành kiểm kê tài chính, tài sản của Hội chính xác, đầy đủ, kịp thời và thực hiện các thủ tục theo quy định pháp luật.	1. Việc đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể Hội thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự, quy định của pháp luật về hội, nghị quyết Đại hội và các quy định pháp luật có liên quan. 2. Khi đổi tên, chia, tách, sáp nhập; hợp nhất; giải thể Hội phải tiến hành kiểm kê tài chính, tài sản của Hội chính xác, đầy đủ, kịp thời và thực hiện các thủ tục theo quy định pháp luật.
Chương VI TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN	Chương VI TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN
Điều 21. Tài chính, tài sản của Hội 1. Tài chính của Hội: a) Nguồn thu của Hội: - Lệ phí gia nhập Hội, hội phí hàng năm của hội viên; - Thu từ các hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật; - Kinh phí được cấp thực hiện các chương trình, đề án, dự án do Nhà nước giao; - Các khoản thu do hoạt động tư vấn, dịch vụ của các Hội; - Tài trợ của cá nhân, tổ chức ở trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật; - Các nguồn thu hợp pháp khác. b) Các khoản chi của Hội: - Chi các hoạt động thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, nghiệp vụ, hành chính thường xuyên của Hội; - Chi thuê trụ sở, mua sắm tài sản, phương tiện làm việc; - Chi thực hiện chế độ, chính sách và phúc lợi đối với người hoạt động chuyên trách của Cơ quan văn phòng Hội theo quy định của Ban Thường vụ Hội; - Chi tổ chức hội nghị, hội thảo, họp Ban Thường vụ, họp Ban Chấp hành, Đại hội và các hội nghị thường kỳ của Văn phòng Hội;	Điều 21. Tài chính, tài sản của Hội (Sửa đổi, bổ sung) 1. Tài chính của Hội: a) Nguồn thu của Hội: - Phí gia nhập Hội, hội phí hàng năm của hội viên; - Thu từ các hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật; - Tiền tài trợ, ủng hộ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật; - <i>Ngân sách nhà nước hỗ trợ cho các nhiệm vụ Đảng, Nhà nước giao theo quy định của pháp luật;</i> - Các khoản thu hợp pháp khác; b) Các khoản chi của Hội: - Chi hoạt động thực hiện nhiệm vụ của Hội; - <i>Chi thực hiện nhiệm vụ Đảng, Nhà nước giao;</i> - Chi thuê trụ sở, mua sắm phương tiện làm việc; - Chi thực hiện chế độ, chính sách đối với những người làm việc tại Hội <i>theo quy định của Ban Chấp hành Hội phù hợp với quy định của pháp luật;</i> - Chi khen thưởng và các khoản chi khác theo quy định của Ban Chấp hành. 2. Tài sản của Hội: Tài sản của Hội bao gồm trụ sở, trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động của Hội và các tài sản <i>hợp pháp khác theo quy</i>

- Chi khen thưởng và chi khác theo quy định của Ban Chấp hành. 2. Tài sản của Hội: Bao gồm trụ sở, trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động của Hội. Tài sản của Hội được hình thành từ nguồn kinh phí của Hội, hoặc do các cá nhân, tổ chức trong nước hoặc nước ngoài hiến, tặng theo quy định của pháp luật; tài sản có được do ngân sách Nhà nước hỗ trợ (nếu có).	Điều 22. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội 1. Tài chính, tài sản của Hội chỉ được sử dụng cho các hoạt động của Hội. 2. Tài chính, tài sản của Hội khi chia tách, sáp nhập; hợp nhất và giải thể được giải quyết theo quy định của pháp luật. 3. Ban Thường vụ Hội ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, tiết kiệm, phù hợp với quy định của pháp luật và tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hội.	Chương VII KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT	Điều 23. Khen thưởng 1. Các tổ chức, đơn vị, cán bộ, hội viên có thành tích xuất sắc trong việc thực hiện nhiệm vụ của Hội; các tập thể, cá nhân tích cực hoạt động, tham gia ủng hộ có hiệu quả cho phong trào trào khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập được Hội xem xét khen thưởng hoặc được Hội đề nghị Nhà nước khen thưởng theo quy định của Luật Thi đua khen thưởng. Những cá nhân có quá trình công tác, cống hiến cho sự nghiệp phát triển khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập được Hội xem xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp khuyến học”. 2. Ban Chấp hành Hội ban hành quy định cụ thể hình thức, thẩm quyền, thủ tục khen thưởng trong nội bộ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.
định của pháp luật. Tài sản của Hội được hình thành từ nguồn kinh phí của Hội do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hiến, tặng theo quy định của pháp luật; 3. Hội phải thực hiện công tác kế toán, kiểm toán, thống kê theo quy định của pháp luật.	Điều 22. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội (Giữ nguyên) 1. Tài chính, tài sản của Hội chỉ được sử dụng cho các hoạt động của Hội. 2. Tài chính, tài sản của Hội khi chia tách, sáp nhập; hợp nhất và giải thể được giải quyết theo quy định của pháp luật. 3. Ban Chấp hành Hội ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, tiết kiệm, phù hợp với quy định của pháp luật và tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hội.	Chương VII KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT	Điều 23. Khen thưởng (giữ nguyên) 1. Các tổ chức, đơn vị, cán bộ, hội viên có thành tích xuất sắc trong việc thực hiện nhiệm vụ của Hội; các tập thể, cá nhân tích cực hoạt động, tham gia ủng hộ có hiệu quả cho phong trào trào khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập được Hội xem xét khen thưởng hoặc được Hội đề nghị Nhà nước khen thưởng theo quy định của Luật Thi đua khen thưởng. Những cá nhân có quá trình công tác, cống hiến cho sự nghiệp phát triển khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập được Hội xem xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp khuyến học”. 2. Ban Chấp hành Hội ban hành quy định cụ thể hình thức, thẩm quyền, thủ tục khen thưởng trong nội bộ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 24. Kỳ luật 1. Các tổ chức, đơn vị, cán bộ, hội viên vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ Hội, quy định, quy chế hoạt động của Hội thì chịu kỷ luật theo các hình thức: Khiển trách, cảnh cáo, khai trừ ra khỏi Hội. 2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể thẩm quyền, quy trình xem xét kỷ luật trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.	Điều 24. Kỳ luật (Sửa đổi bổ sung) 1. Tổ chức thuộc Hội, hội viên vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ, quy định, quy chế hoạt động của Hội thì bị xem xét, thi hành kỷ luật bằng các hình thức: Khiển trách, cảnh cáo, khai trừ ra khỏi Hội. <i>Trường hợp gây thiệt hại về vật chất thì phải bồi thường và chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.</i> 2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể thẩm quyền, quy trình xem xét kỷ luật trong Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.
Chương VIII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	Chương VIII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH
Điều 25. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội Chỉ có Đại hội đại biểu toàn quốc Hội Khuyến học Việt Nam mới có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ này. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội phải được ít nhất 2/3 (hai phần ba) số hội viên chính thức là đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội biểu quyết tán thành.	Điều 25. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội (Giữ nguyên) Chỉ có Đại hội đại biểu toàn quốc Hội Khuyến học Việt Nam mới có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ này. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội phải được ít nhất 2/3 (hai phần ba) số hội viên chính thức là đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội biểu quyết tán thành.
Điều 26. Hiệu lực thi hành 1. Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Hội Khuyến học Việt Nam gồm 8 (tám) Chương, 26 (hai mươi sáu) điều đã được Đại hội đại biểu toàn quốc Hội Khuyến học Việt Nam lần thứ VI, nhiệm kỳ 2021 - 2026 thông qua ngày 01 tháng 12 năm 2021 tại thành phố Hà Nội và có hiệu lực thi hành theo Quyết định phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Nội vụ. 2. Căn cứ quy định của pháp luật về hội và Điều lệ Hội, Ban Chấp hành Hội Khuyến học Việt Nam có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ này./.	Điều 26. Hiệu lực thi hành (Giữ nguyên) 1. Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Hội Khuyến học Việt Nam gồm 8 (tám) Chương, 26 (hai mươi sáu) điều đã được Đại hội đại biểu toàn quốc Hội Khuyến học Việt Nam lần thứ VII, nhiệm kỳ 2026 - 2031 thông qua ngày ... tháng ... năm 2026 tại thành phố Hà Nội và có hiệu lực thi hành theo Quyết định phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Nội vụ. 2. Căn cứ quy định của pháp luật về hội và Điều lệ Hội, Ban Chấp hành Hội Khuyến học Việt Nam có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ này./.

